

TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến về việc ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X – Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề).

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025.

UBND huyện Chư Sê tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch xây dựng kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện trình Hội đồng nhân dân huyện – Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề), với những nội dung chính như sau:

I. Cơ sở xây dựng:

1. Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025.

2. Về nội dung, số liệu: Căn cứ các số liệu, chỉ tiêu, phương hướng nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chư Sê khóa X, nhiệm kỳ 2020-2025.

II. Những kết quả đạt được giai đoạn 2016-2020:

1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 8,21%, tăng 0,53% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020. Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 đạt 11.433 tỷ đồng, tăng 2,32% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 là 56,7 triệu đồng/người/năm, tăng 14,02% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đến năm 2020 ngành nông, lâm nghiệp chiếm 33,85%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34,48%, thương mại - dịch vụ chiếm 31,67%. So với đầu nhiệm kỳ, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm 0,95%, Công nghiệp - xây dựng tăng 0,78%, Thương mại - dịch vụ tăng 0,17%.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm đạt 8,21% (vượt kế hoạch 0,53%).

Tổng giá trị sản xuất (*theo giá so sánh năm 2010*) đến năm 2020 đạt 11.433 tỷ đồng, (vượt KH 2,32%).

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 là 56,7 triệu đồng/người/năm, (vượt kế hoạch 14,02%).

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Ngành nông, lâm nghiệp chiếm 33,85%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34,48%, thương mại - dịch vụ chiếm 31,67%.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 đạt 11/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt KH đề ra.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 đạt 1,17% (giảm so với kế hoạch 3,8%)

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 đạt 29/51 trường, chiếm tỷ lệ 52,9% (vượt kế hoạch 29,5%).

- Công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số luôn đạt trên 99%; Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc THCS đạt 69,98% (đạt kế hoạch).

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm còn 2,76% (đạt Kế hoạch).

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đến năm 2020 đạt 88,8% (vượt kế hoạch 26,85%)

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 đạt 27,4% (vượt kế hoạch 3,39).

- Số bác sĩ trên vạn dân đến năm 2020 có 5,07 bác sĩ /1 vạn dân (vượt kế hoạch 18,7%).

- Tổ chức tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu (đạt Kế hoạch).

III. Một số nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025

1. Về kinh tế:

- Tổng giá trị sản xuất (*giá so sánh 2010*) đến năm 2025: 18.081 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025: 9,6%. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp xây dựng là 39,01%; Thương mại dịch vụ là 33,69%; Nông lâm nghiệp là 27,3%. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: 85,15 triệu đồng/người/năm. Tổng thu ngân sách trên địa bàn (giai đoạn 2021 - 2025): 1.476 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách huyện (giai đoạn 2021 - 2025): 5.429 tỷ đồng.

- Ngành nông nghiệp: Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 18/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IX về việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 trên địa bàn huyện Chư Sê một cách đồng bộ, hiệu quả, trong đó phát triển cây dược liệu là chiến lược, là khâu đột phá. Tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện tốt chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn

với truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*Chương trình OCOP*) gắn với thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025, toàn huyện có 14/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng cao các tiêu chí của 10 xã đã đạt chuẩn, trong đó chọn 01 xã xây dựng nông thôn mới tiêu biểu, 08 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao. Phấn đấu hoàn thành huyện nông thôn mới.

- Ngành công nghiệp - xây dựng: Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo, tiếp tục phát triển theo hướng công nghệ hiện đại, tăng dần quy mô trong sản xuất. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm với những mặt hàng chủ yếu như: Cao su, cà phê, hồ tiêu, dược liệu, cây ăn quả... để nông sản hàng hóa thu hoạch của nông dân được qua sơ chế, chế biến có chất lượng cao. Tập trung kêu gọi đầu tư vốn phát triển Cụm Công nghiệp tập trung Chư Sê và Khu Công nghiệp Nam Gia Lai, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, nông cụ, phân bón, hàng tiêu dùng. Thúc đẩy việc phát triển đầu tư Công nghiệp điện tái tạo.

- Ngành thương mại – dịch vụ: Tập trung phát triển thương mại phục vụ sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn. Kêu gọi tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng Siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng khách sạn đạt tiêu chuẩn. Kêu gọi đầu tư các khu du lịch hiện có trên địa bàn huyện và thực hiện liên kết Tuyến du lịch Thác Phú Cường – Hồ Ayun Hạ - Di tích Vua lửa sớm đưa vào hoạt động. Phát triển dịch vụ ngoài hàng rào cho Khu công nghiệp Nam Gia Lai.

2. Về văn hóa – xã hội, môi trường:

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,4%/năm (Năm 2020: Tỷ lệ hộ nghèo là 2,76% theo tiêu chí đa chiều giai đoạn 2016-2020). Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm là 1,06%, trong đó tăng tự nhiên 0,99%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đạt 13,91%. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế năm 2025 đạt 90%, tiến tới BHYT toàn dân. Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế: 100%; Số bác sĩ/vạn dân: 08 bác sĩ. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Thêm 18 trường, toàn huyện có 47/50 trường công lập là trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 94%. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 28%. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt: 95%. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn đạt: 95%.

3. Về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Tổ chức tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; chú trọng phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, đấu tranh với các âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

4. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, chống lăng phí:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong

đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, lãng phí. Triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, công khai, minh bạch, kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; làm tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tham nhũng, tiêu cực.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tiếp công dân, lắng nghe ý kiến, đối thoại với dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

(UBND huyện gửi Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 18/8/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Chư Sê kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ Ba (kỳ họp chuyên đề) xem xét, thông qua,HNK

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- CT, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu VT, CVKT-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHU SÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Chư Sê, ngày 23 tháng 8 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Chư Sê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHU SÊ
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng bộ huyện Chư Sê và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chư Sê lần thứ X, giai đoạn 2020-2025;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 331/TTr-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 về việc xin ý kiến về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch xây dựng kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh giai đoạn 2021-2025 của huyện; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện Chư Sê tán thành các chỉ tiêu đạt được của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch xây dựng kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Chư Sê, với những nội dung chính sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 8,21%, tăng 0,53% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020. Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 đạt 11.433 tỷ đồng, tăng 2,32% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 là 56,7 triệu đồng/người/năm, tăng 14,02% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đến năm 2020 ngành nông, lâm nghiệp chiếm 33,85%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34,48%, thương mại -

dịch vụ chiếm 31,67%. So với đầu nhiệm kỳ, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm 0,95%, Công nghiệp - xây dựng tăng 0,78%, Thương mại - dịch vụ tăng 0,17%.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm đạt 8,21% (vượt kế hoạch 0,53%).

Tổng giá trị sản xuất (*theo giá so sánh năm 2010*) đến năm 2020 đạt 11.433 tỷ đồng, (vượt KH 2,32%).

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 là 56,7 triệu đồng/người/năm, (vượt kế hoạch 14,02%).

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Ngành nông, lâm nghiệp chiếm 33,85%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34,48%, thương mại - dịch vụ chiếm 31,67%.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 đạt 11/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt KH đề ra.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 đạt 1,17% (giảm so với kế hoạch 3,8%)

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 đạt 29/51 trường, chiếm tỷ lệ 52,9% (vượt kế hoạch 29,5%).

- Công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số luôn đạt trên 99%; Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc THCS đạt 69,98% (đạt kế hoạch).

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm còn 2,76% (đạt Kế hoạch).

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đến năm 2020 đạt 88,8% (vượt kế hoạch 26,85%)

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 đạt 27,4% (vượt kế hoạch 3,39).

- Số bác sĩ trên vạn dân đến năm 2020 có 5,07 bác sĩ /1 vạn dân (vượt kế hoạch 18,7%).

- Tổ chức tuyên truyền hàng năm đạt 100% chỉ tiêu (đạt Kế hoạch).

II. Một số nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của huyện, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ; ưu tiên phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp và năng lượng tái tạo; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, gắn với công tác bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp; xây dựng quốc phòng, quân sự địa phương vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị trong mọi tình

huống. Phần đầu xây dựng huyện Chư Sê xứng đáng là vùng kinh tế động lực phía Nam của Tỉnh.

2. Về kinh tế:

- *Ngành nông lâm nghiệp*: Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 18/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IX về việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 trên địa bàn huyện Chư Sê một cách đồng bộ, hiệu quả, trong đó phát triển cây dược liệu là chiến lược, là khâu đột phá. Tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện tốt chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*Chương trình OCOP*) gắn với thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025, toàn huyện có 14/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng cao các tiêu chí của 10 xã đã đạt chuẩn, trong đó chọn 01 xã xây dựng nông thôn mới tiêu biểu, 08 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao. Phần đầu hoàn thành huyện nông thôn mới.

- *Ngành công nghiệp - xây dựng*: Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo, tiếp tục phát triển theo hướng công nghệ hiện đại, tăng dần quy mô trong sản xuất. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm với những mặt hàng chủ yếu như: Cao su, cà phê, hồ tiêu, dược liệu, cây ăn quả,... để nông sản hàng hóa thu hoạch của nông dân được qua sơ chế, chế biến có chất lượng cao. Tập trung kêu gọi đầu tư vốn phát triển Cụm Công nghiệp tập trung Chư Sê và Khu Công nghiệp Nam Gia Lai, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, nông cụ, phân bón, hàng tiêu dùng. Thúc đẩy việc phát triển đầu tư Công nghiệp điện tái tạo.

- *Ngành thương mại – dịch vụ*: Tập trung phát triển thương mại phục vụ sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn. Kêu gọi tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng Siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng khách sạn đạt tiêu chuẩn. Kêu gọi đầu tư các khu du lịch hiện có trên địa bàn huyện và thực hiện liên kết Tuyến du lịch Thác Phú Cường – Hồ Ayun Hạ - Di tích Vua lửa sớm đưa vào hoạt động. Phát triển dịch vụ ngoài hàng rào cho Khu công nghiệp Nam Gia Lai.

- *Phát triển Doanh nghiệp, Hợp tác xã*: Tiếp tục phát huy vai trò của Hội Doanh nghiệp huyện Chư Sê. Khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác để có hướng xử lý, hỗ trợ phù hợp đi đôi với khuyến khích phát triển mới các loại hình kinh tế hợp tác. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- *Giải pháp phát triển đảm bảo là vùng kinh tế động lực của tỉnh*: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Đề nghị Tỉnh tăng cường đầu tư cho vùng kinh tế động lực và có cơ chế phân cấp, ủy quyền cho huyện. Tập trung đầu tư để hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu, đồng thời cải thiện môi trường đầu tư; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung gắn với đẩy mạnh liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- *Định hướng phát triển đô thị:* Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại IV của Thị trấn Chư Sê, hướng đến một số tiêu chí của đô thị loại III. Đồng thời đầu tư mở rộng diện tích đô thị loại IV ra các xã liền kề để thành lập thị xã Chư Sê trong tương lai. Phát triển thị trấn Chư Sê theo hướng đô thị văn minh, hiện đại; từng bước xây dựng đô thị thông minh. Tập trung xây dựng khu vực trung tâm các xã khang trang, sạch đẹp, ưu tiên phát triển trung tâm xã Bờ Ngoong là đô thị loại V.

- *Thực hiện 03 chương trình trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X:* (1) Tích cực thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp công nghiệp cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện; (2) Tạo tiền đề phát triển khu Công nghiệp Nam Pleiku, cụm Công nghiệp Chư Sê đồng thời phát triển năng lượng tái tạo gắn với phát triển du lịch của huyện; (3) Xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị huyện Chư Sê.

3. Về văn hóa – xã hội, môi trường:

3.1. Về Giáo dục và Đào tạo:

- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Thu hút các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng trường học chất lượng cao ở tất cả các cấp học.

3.2. Về thực hiện chính sách xã hội

Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống: Hỗ trợ hộ nghèo thực hiện tốt chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp. Tăng cường công tác đào tạo nghề, tạo cơ hội cho người nghèo tìm việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động. Tăng cường đầu tư các nguồn lực cho giảm nghèo, lồng ghép thực hiện các chương trình đầu tư, các chương trình mục tiêu quốc gia.

3.3 Về Y tế, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch Covid-19, các nhiệm vụ công tác đều tập trung cao độ theo quan điểm vừa chống dịch, vừa chăm sóc sức khỏe toàn diện cho nhân dân. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Huy động các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho ngành y tế.

- Quản lý, khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa, tiếp tục đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa ở xã, thôn, làng. Xây dựng

các Đề án bảo tồn, phát triển về văn hóa, du lịch. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng thôn, làng, tổ dân phố, công sở văn hóa, gia đình văn hóa. Đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị tập luyện, đồng thời chú trọng công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thể thao, thu hút xã hội hóa lĩnh vực thể thao. Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật số cho sự nghiệp phát thanh từ huyện đến cơ sở.

3.4 Về quản lý tài nguyên - môi trường:

- Tăng cường kiểm soát, quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên trên địa bàn huyện, xử lý các hành vi vi phạm về khai thác tài nguyên, sử dụng đất. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

- Tăng cường quản lý nhà nước, đồng thời nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý các nguồn gây ô nhiễm.... Tập trung xử lý chất thải, rác thải để bảo vệ môi trường theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Hoàn thiện tiêu chí về môi trường đối với đô thị loại IV theo quy định của Bộ xây dựng. 100% xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí môi trường. Xử lý triệt để các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

4. Về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Tổ chức tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; chú trọng phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, đấu tranh với các âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, chống lãng phí:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, lãng phí. Triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, công khai, minh bạch, kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; làm tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tham nhũng, tiêu cực.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tiếp công dân, lắng nghe ý kiến, đối thoại với dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

6. Tổ chức thực hiện:

6. Tổ chức thực hiện:

- Các ngành, đơn vị quán triệt, công khai kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về triển khai thực hiện. Giao Phòng Tài chính –Kế hoạch và các phòng ban chuyên môn hướng dẫn, cụ thể hóa kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 vào trong kế hoạch hàng năm.

- Thủ trưởng các Ban, ngành. Chủ tịch UBND các xã thị trấn căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của đơn vị mình. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch. Đối với các vấn đề mới cần điều chỉnh, bổ sung báo kịp thời cho UBND huyện để bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai ban hành và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Chư Sê theo đúng quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu HĐND, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tăng cường giám sát, đôn đốc Uỷ ban nhân dân các cấp, các ngành chức năng thực hiện Nghị quyết này và kịp thời giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, kiến nghị của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và UBMTTQ huyện.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Chư Sê Khoá X – Kỳ họp thứ Ba, thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Noi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các Phó CT. UBND huyện;
- BTT. UBMTTQ huyện;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND; VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng, Ban thuộc huyện;
- HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện; .
- Công thông tin Điện tử huyện;
- Lưu: VT, HĐ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHUR SÊ**
Số: 164/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Chư Sê, ngày 18 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh 5 năm
giai đoạn 2021-2025 của huyện Chư Sê

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X – Kỳ họp thứ Ba.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025;

UBND huyện Chư Sê xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Chư Sê, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG – AN NINH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

I. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ.

1. Ưu điểm:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 8,21%, tăng 0,53% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra.
- Tổng giá trị sản xuất (*theo giá so sánh năm 2010*) đến năm 2020 đạt 11.433 tỷ đồng, tăng 2,32% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 là 56,7 triệu đồng/người/năm, tăng 14,02% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đến năm 2020 ngành nông, lâm nghiệp chiếm 33,85%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34,48%, thương mại - dịch vụ chiếm 31,67%. So với đầu nhiệm kỳ, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm 0,95%, Công nghiệp - xây dựng tăng 0,78%, Thương mại - dịch vụ tăng 0,17%. Được thể hiện qua các mặt cụ thể như sau:

1.1. Lĩnh vực Nông lâm nghiệp: Giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp đến năm 2020 đạt 3.870 tỷ đồng, tăng 29,69% so với năm 2015, cụ thể:

* *Tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp:*

- Giai đoạn 2015-2020, đã thực hiện Chương trình tái canh, ghép cải tạo 1.500 ha/1.902 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp, góp phần nâng cao chất lượng cây cà phê. Xây dựng quy trình canh tác hồ tiêu phù hợp với địa bàn, đề xuất bộ giống hồ tiêu và các giải pháp phòng chống dịch bệnh; thực hiện lồng ghép các chương trình khuyến nông, hỗ trợ phương thức sản xuất chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... Chuyển đổi diện tích tiêu chét sang trồng những loại cây khác có hiệu quả, hơn 1.000 ha sang trồng các loại cây ăn trái và cà phê. Tái canh gần 4.700 ha cao su năng suất thấp, sử dụng giống mới cho năng suất cao hơn.

- Huyện đang tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bước đầu sẽ hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo định hướng đến năm 2025¹. Hiện tại, trên địa bàn huyện đã phát triển được hơn 230 ha cây dược liệu các loại.

** Về công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi:*

Tổng diện tích gieo trồng năm 2020 là 34.748,9 ha, đạt 115,8% so với mục tiêu Đại hội IX. Tổng giá trị sản xuất trồng trọt đến năm 2020 là 2.584 tỷ đồng, chiếm 67%, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp của huyện. Trong giai đoạn 2015-2020, thực hiện tái cơ cấu theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy các sản phẩm lợi thế của huyện. Đồng thời đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho các cây trồng như: Lúa, ngô, rau củ quả... nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển công nghệ hiện đại sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm².

Số lượng đàn vật nuôi trên địa bàn huyện luôn tăng và phát triển ổn định. Năm 2020, tổng đàn vật nuôi là 189.515 con, với giá trị sản xuất đạt 682 tỷ đồng chiếm 18% trong cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp. Tạo điều kiện thu hút đầu tư theo hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp; phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, áp dụng kỹ thuật và công nghệ phù hợp để tạo cơ hội sinh kế cho hộ nông dân. Khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, đến chế biến để nâng cao năng suất, giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

¹ Sản xuất cây dược liệu 250-500 ha, sản xuất rau, củ, quả an toàn 10-50 ha, sản xuất tiêu sạch 50 ha, sản xuất cà phê sạch 300 ha, trồng dâu nuôi tằm 300-500 ha, sản xuất nấm ăn 01 ha, các mô hình chăn nuôi heo gà,... Kinh phí triển khai thực hiện là 242,2 tỷ đồng, trong đó ngân sách huyện hỗ trợ 50 tỷ đồng (*trung bình mỗi năm khoảng 10 tỷ đồng*), vốn của doanh nghiệp và nhân dân đóng góp là 192,2 tỷ đồng.

² Đã xây dựng được 01 cánh đồng mẫu lớn và 02 cánh đồng liên kết; triển khai 03 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ và vốn đối ứng là 2,08 tỷ đồng. Hợp tác xã Ayun Thịnh với dự án “Hình thành chuỗi liên kết bền vững, ổn định về nuôi trồng, đánh bắt thủy sản giữa các HTX và nhân dân trên địa bàn xã Ayun”; Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Ia Ring với dự án “Hình thành chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm từ cây mắc ca”; Hợp tác xã Dịch vụ tông hợp xã Ia Blang với dự án “Trồng thâm canh cây sầu riêng”.

** Về phát triển các mặt hàng nông sản, thủy sản:*

- Về phát triển thương hiệu các mặt hàng nông sản: Đến nay thương hiệu “*Hồ tiêu Chư Sê*” đã đăng ký bảo hộ tại 06 quốc gia gồm: Trung Quốc, Đức, Mỹ, Hà Lan, Bỉ và Luxembourg và đang chờ Án Độ, Singapore phê duyệt. Huyện đã tổ chức thực hiện đánh giá 02 sản phẩm (Tiêu đen hạt, Hạt Sacha Inchi) đủ tiêu chuẩn 03 sao để xuất UBND tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Về phát triển lĩnh vực thủy sản: Năm 2020, tổng diện tích nuôi trồng thuỷ sản là 3.801,0 ha, đạt giá trị 50,7 tỷ đồng, đạt 101,4% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra.

** Về công tác phát triển lâm nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng:*

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện là 12.100,61 ha, trong đó diện tích rừng là 8.738,73 ha (*diện tích rừng tự nhiên 8.557,31 ha; diện tích rừng trồng 181,42 ha*). Đã tổ chức giao khoán bảo vệ rừng 4.095 ha, trồng mới 200,2 ha diện tích rừng trồng tập trung; thu hồi được 133,1 ha diện tích rừng bị lấn chiếm. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 27,4%.

1.2. Công nghiệp - xây dựng:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 9,87%, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đến năm 2020 đạt 3.942 tỷ đồng, tăng 60,7% so với năm 2015 và tăng 4,7% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra.

Giai đoạn 2016-2020, các hoạt động sản xuất công nghiệp-xây dựng diễn ra ổn định và phát triển. Quy mô và chất lượng cơ sở sản xuất CN - XD ngày càng tăng lên, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Kết quả các sản phẩm công nghiệp - TTCN phát triển mạnh³; Năm 2020, sẽ khởi công Dự án điện gió đầu tiên tại xã Hbông với tổng mức đầu tư là 5.000 tỷ đồng, dự kiến đến năm 2021 sẽ cho ra điện thương phẩm...

- Xây dựng cơ bản có bước phát triển vượt bậc, các công trình được nhà nước đầu tư xây dựng có quy mô lớn hơn, chất lượng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; tổng mức đầu tư bình quân hàng năm khoảng từ 250 – 350 tỷ đồng. Các doanh nghiệp, công ty và các cơ sở sản xuất đầu tư xây dựng với khối lượng hơn 10.000 m² nhà xưởng, đạt giá trị gần 100 tỷ/năm. Khu vực dân cư xây dựng nhà ở, bình quân hàng năm gần 500 căn nhà.

- Cụm công nghiệp tập trung huyện Chư Sê đang được triển khai đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, khu xử lý chất thải... với tổng mức đầu tư khoảng 40 tỷ đồng. Ngoài ra, dự án Khu công nghiệp Nam Gia Lai đầu tư giai đoạn đầu (năm 2020-2021) đưa vào khai thác, tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật để thu hút các doanh nghiệp.

³ Như: Điện thương phẩm đạt 75 triệu kWh/năm, doanh thu hơn 160 tỷ đồng; sản phẩm cơ khí các loại đạt trên 750 tấn, giá trị sản xuất khoảng 37 tỷ; sản phẩm hồ tiêu chất lượng cao đạt khoảng 150 tấn/năm, giá trị tăng thêm khoảng 30 tỷ

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng được tập trung thực hiện theo đúng quy hoạch. Các tiêu chí của đô thị loại IV cơ bản đã được hoàn thiện và nâng cao. Tổng kinh phí đầu tư XDCB từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2015-2020 là 917 tỷ đồng, tăng 72 tỷ đồng so với Đại hội IX đề ra. Các lĩnh vực, công trình được tập trung đầu tư chủ là đường giao thông, cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, đào tạo, chỉnh trang đô thị, điện, nước...

1.3. Thương mại - Dịch vụ

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015 – 2020 là 9,82%, giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đến năm 2020 đạt 3.621 tỷ đồng, tăng 60,08% so với năm 2015 và tăng 2,86% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra;

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ phát triển ngày càng cao, tổng số có 1.165 cơ sở lớn nhỏ đang hoạt động có hiệu quả đáp ứng tốt nhu cầu tiêu thụ, nhu cầu sinh hoạt của nhân dân⁴. Nhiều doanh nghiệp, HTX, tiểu thương đang hoạt động mua bán có hiệu quả, góp phần rất lớn trong việc tiêu thụ hàng hóa nông sản cho nông dân.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2020 thực hiện là 911 tỷ đồng, thu bình quân đạt 182 tỷ đồng/năm, tăng 536 tỷ đồng so với Đại hội IX đề ra. Tổng chi ngân sách giai đoạn 2015 – 2020 đạt là 3.435 tỷ đồng, tăng 6,2% so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 12 ngân hàng (*tăng 04 ngân hàng so với năm 2015*) đang hoạt động có hiệu quả, góp phần huy động vốn cho địa phương để phát triển đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn vay phát triển sản xuất trong nhân dân. Năm 2020, tổng số dư nợ trên địa bàn ước 1.600 tỷ đồng, số huy động tiền gửi tại địa phương ước 640 tỷ đồng.

1.4. Phát triển các thành phần kinh tế

- Doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn huyện đóng góp đáng kể vào giá trị sản xuất của huyện như: Cao su, điện lực, viễn thông, xăng dầu, thương mại...

- Kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế chủ yếu của huyện. Hiện nay trên địa bàn có hơn 100 doanh nghiệp và hơn 1.000 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động có hiệu quả.

- Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương đã đi vào thực tiễn, có tác dụng tích cực đối với phát triển kinh tế tập thể, tạo điều kiện cho các hợp tác xã phát huy vai trò tốt hơn⁵.

⁴ Hiện nay, đã quy hoạch và đẩy mạnh phát triển hệ thống chợ toàn huyện có 08 chợ (03 chợ huyện và 05 chợ xã), các hội chợ thương mại thường xuyên được tổ chức để người dân được tiếp cận hàng hóa, sản phẩm; 03 siêu thị đang hoạt động có hiệu quả phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của nhân dân, tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 1.825 tỷ đồng. Lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng phục vụ. Trên địa bàn huyện có 07 nhà hàng, khách sạn lớn doanh thu bình quân gần 50 tỷ đồng/năm.

⁵ Hiện nay trên địa bàn huyện có 14 hợp tác xã và 78 trang trại hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, HTX Tân Nông Nguyên hoạt động từ năm 2012 đến nay đã triển khai thực hiện việc sản xuất cà phê sạch theo tiêu chuẩn 4C với diện tích gần 200 ha.

1.5. Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Năm 2020, toàn huyện có 11/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt mục tiêu so với Đại hội IX đã đề ra. Xây dựng 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 14 làng Nông thôn mới theo Chỉ thị 12-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Kết quả huy động, sử dụng nguồn lực huyện giai đoạn 2015-2020: Tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ từ các chương trình, dự án lồng ghép đầu tư vào cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tổng nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới 2.461 tỷ đồng.

2. Khó khăn.

- Năng lực lãnh đạo của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế; chỉ đạo giải quyết công việc chưa quyết liệt, thiếu những giải pháp đồng bộ, hiệu quả.

- Sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, thủ công, hiệu quả còn thấp, nhiều rủi ro do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,... Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm và kết quả chưa cao. Đầu tư cho chuyển giao và ứng dụng kỹ thuật – công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trên diện rộng còn hạn chế. Việc thực hiện liên kết 04 nhà “Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nông” còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ; thiếu các doanh nghiệp tham gia đầu tư, hợp tác liên kết sản xuất, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu để gia tăng giá trị và phát triển bền vững. Phần lớn các hợp tác xã trên địa bàn huyện có quy mô nhỏ, thiếu vốn, lực lượng sản xuất chưa phát triển, trình độ năng lực quản lý còn hạn chế, khó cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác.

- Quy mô phát triển ngành công nghiệp còn nhỏ, phát triển chậm, trình độ công nghệ sản xuất đơn giản, lạc hậu dẫn đến giá trị tạo ra chưa cao.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ, hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa đa số với quy mô nhỏ, lẻ.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI.

1. Ưu điểm

1.1. Về giáo dục và Đào tạo

Chất lượng giáo dục phổ thông có nhiều tiến bộ; 100% học sinh 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non và được học 2 buổi/ngày; Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 98,9%; Học sinh THCS có tỉ lệ khá, giỏi ngày càng tăng; tốt nghiệp THCS đạt 99,17%; Chất lượng giáo dục mũi nhọn được quan tâm, đạt được nhiều thành tích cao trong các đợt thi giáo viên giỏi, học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện. Kết quả kỳ thi THPT quốc gia hàng năm đều đạt tỷ lệ trên 95%⁶.

⁶ Tỷ lệ Tốt nghiệp THPT: năm học 2015-2016: 83,76%; năm học 2016-2017: 88,62%; năm học 2017-2018 98,71%; năm học 2018-2019: 98,43%.

Công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số luôn đạt trên 99%; Năm 2018, huyện đã được công nhận hoàn thành phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập Giáo dục Tiểu học, phổ cập THCS; xóa mù chữ tiếp tục được duy trì và giữ vững mức độ 2. Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học cơ sở đạt 69,98%.

Đến năm 2020, toàn ngành đã xây dựng được 29/51 trường chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 52,9%, tăng 29,5% so với Nghị quyết Đại hội IX⁷. Giáo dục thường xuyên, dạy nghề, khuyến học, khuyến tài, xã hội hóa giáo dục được chú trọng, các Trung tâm học tập cộng đồng từng bước kiện toàn, củng cố và hoạt động có hiệu quả.

1.2. Công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh.

- Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được thực hiện thường xuyên, đảm bảo, lượng người dân tin tưởng đến khám và điều trị tại cơ sở y tế huyện ngày càng tăng, Công tác khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế được đảm bảo đúng quy định⁸.

Công tác phòng chống dịch bệnh luôn được quan tâm. Các chương trình mục tiêu quốc gia triển khai thực hiện có hiệu quả: Công tác tiêm chủng, phòng chống lao, phòng chống sốt rét, phòng chống HIV/AIDS được triển khai đạt kết quả tốt⁹.

- Năm 2020, trên địa bàn huyện có 5,07 bác sĩ /1 vạn dân; 100% Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ người dân trong huyện tham gia các hình thức bảo hiểm y tế năm đạt 88%.

1.3. Văn hoá - thông tin, thể dục, thể thao

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được thực hiện sâu rộng đến từng thôn, làng, tổ dân phố. Đến nay đã công nhận 26.461/30.026 hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 88,1%; 123/128 thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 96%; có 96,1% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; xây dựng 11/14 xã đạt danh hiệu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 78,57%. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống, thực hiện nếp sống văn minh trong cơ quan, đơn vị, trường học, trong việc cưới, việc tang và lễ hội ...

- Về đầu tư các thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa gắn với bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy vai trò các giá trị văn hóa truyền thống: Các lễ hội truyền thống, hội thi, các hoạt động biểu diễn văn hóa, văn nghệ thường xuyên

⁷ Kết quả: Đã sáp nhập 12 trường thành 06 trường công lập, giảm 76 điểm trường và 108 lớp.

⁸ Tổng số lần khám bệnh đạt gần 600.000 lượt, trong đó khoảng 90% lượt khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, số lượt người đồng bào dân tộc thiểu số trên 400.000 lượt khám; có trên 500.000 lượt khám chữa bệnh cho đối tượng BHYT, trong đó BHYT người nghèo trên 80.000 lượt, trẻ em dưới 6 tuổi trên 75.000 lượt.

⁹ Hàng năm, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 7 loại vắc xin luôn đạt trên 96%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi năm 2020 giảm còn 14,91%.

được tổ chức; các công trình và thiết chế văn hóa được bảo tồn và phát triển, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên¹⁰.

- *Các hoạt động thể dục thể thao:* Phong trào thể dục thể thao phát triển rộng khắp. Trong 5 năm đã tổ chức hơn 50 hoạt động thể dục thể thao qui mô cấp huyện, trên 250 giải thi đấu thể thao có quy mô cấp xã. Số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên năm sau cao hơn năm trước, bình quân đạt 35%/năm; số hộ gia đình tập luyện TDTT thường xuyên hàng năm đạt 20%.

- *Về hoạt động thông tin-truyền thông:* Tiếp và phát sóng các chương trình của Đài huyện và các Đài cấp trên được đảm bảo¹¹, tỷ lệ người dân được nghe đài đạt 98%. Trang thông tin điện tử (Website: <http://chuse.gialai.gov.vn>) của huyện, bản tin sinh hoạt nội bộ của Ban tuyên giáo huyện ủy, tin bài của Đài truyền thanh-truyền hình huyện không ngừng đổi mới, nội dung phong phú, chất lượng, đảm bảo thông tin kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến nhân dân.

1.4. Kết quả thực hiện chính sách xã hội

- *Kết quả thực hiện chương trình giải quyết việc làm:* Trong 5 năm, giải quyết việc làm mới cho 12.755 lao động (trong đó: Xuất khẩu lao động 371 lao động), bình quân 2.551 người/năm. Quan tâm đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- *Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững:* Giai đoạn 2015-2020, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều bình quân hàng năm giảm 3,40%, vượt Nghị quyết Đại hội IX đề ra (giảm từ 2-3%/năm). Năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,76% tương đương với 847 hộ, trong đó số hộ nghèo người ĐBDT thiểu số chiếm 85%.

- *Thực hiện tốt chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người có công, gia đình chính sách trên địa bàn huyện¹²:* Công tác chăm lo cho đối tượng Bảo trợ xã hội được quan tâm.

- *Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em:* Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về trẻ em, thu thập thông tin trẻ em trên địa bàn huyện¹³.

- *Công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ* trên các lĩnh vực luôn được quan tâm, trong 5 năm tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cấp huyện là 19,44%, cấp xã, thị trấn là 13,18%; tỷ lệ nữ tham gia HĐND cấp tỉnh là 01 chị, cấp huyện là 30%; cấp xã, thị trấn là 25,8%; số lượng nữ tham gia chính quyền cấp huyện 11 chị.

¹⁰ Hiện nay, trên địa bàn huyện đã có 14 nhà rông, 114 nhà văn hóa, 159 bộ cồng chiêng, đảm bảo sinh hoạt của đồng bào các dân tộc thiểu số.

¹¹ Huyện có 1 đài truyền thanh truyền hình huyện, 14 Đài truyền thanh xã, với 226 cụm loa, lắp đặt ở 128 thôn, làng, tổ dân phố.

¹² Đã xây dựng và sửa chữa 183 căn nhà cho người có công khó khăn về nhà ở; Tặng 12 sổ tiết kiệm trị giá 250 triệu đồng cho gia đình người có công có hoàn cảnh khó khăn. Sửa chữa, tu bổ và nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ, với tổng kinh phí là 16,8 tỷ đồng; Vận động quỹ “Đèn ơm đáp nghĩa” được 3,6 tỷ đồng; Chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng, điều dưỡng, BHYT, thăm tặng quà các gia đình chính sách với kinh phí 137,95 tỷ đồng.

¹³ Tổ chức đưa đi thăm khám và phẫu thuật sứt môi, hở hàm ếch, tim bẩm sinh, bị dị tật bẩm sinh được 78 em. Cấp phát 16.300 thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, với kinh phí 51,9 tỷ đồng. Huy động đóng góp Quỹ bảo trợ trẻ em của huyện được 192 triệu đồng. Tổ chức trẻ em vui ngày tết thiếu nhi, tết trung thu với số tiền: 475 triệu đồng. Hỗ trợ đột xuất cho 18 trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt với số tiền 36 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công tác thu nộp và chi trả đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định¹⁴.

2. Khó khăn:

- Chất lượng giáo dục ở cùng dân tộc thiểu số chuyển biến chậm. Tình trạng học sinh hạn chế Tiếng Việt vẫn chưa được khắc phục triệt để. Cơ sở vật chất kỹ thuật, các điều kiện phục vụ cho dạy và học vẫn chưa đáp ứng yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày đối với chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm 2020. Vẫn còn một số giáo viên chưa đáp ứng kịp yêu cầu đổi mới giáo dục. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh còn hạn chế.

- Chất lượng hoạt động công tác y tế cơ sở còn thấp. Hoạt động xã hội hóa công tác y tế chưa nhiều.

- Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể chưa thường xuyên và hạn chế. Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa còn ít, các thiết chế văn hóa còn ở quy mô nhỏ.

- Đời sống của một bộ phận dân cư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng vẫn còn khó khăn. Thực hiện chương trình về giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

III. VỀ LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. Ưu điểm

1.1. Tài nguyên

- Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện được quy hoạch và đánh giá về mặt trữ lượng. Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản dần đi vào nề nếp, tuân thủ quy định của pháp luật. Doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản cơ bản chấp hành tốt các quy định của nhà nước, hỗ trợ đóng góp xây dựng địa phương. Các trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm¹⁵.

- Huyện Chư Sê đã hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2015-2020 và xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm làm căn cứ triển khai các nhiệm vụ về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang đô thị. Tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho người dân đạt 97%.

1.2. Môi trường

¹⁴ Giai đoạn 2015 - 2020, Số tiền thu BHXH: 450,3 tỷ đồng; Bảo hiểm thất nghiệp: 29,7 tỷ đồng; BHYT 135,7 tỷ đồng. Thực hiện chi trả trợ cấp: Chi BHXH 450,3 tỷ đồng; Bảo hiểm thất nghiệp 29,7 tỷ; BHYT 135,7 tỷ đồng. Đến năm 2020 người lao động trên địa bàn tham gia: BHXH là 4.900 người, BH thất nghiệp là 4.771 người, Bảo hiểm y tế là 102.000 người.

¹⁵ Tính đến nay huyện có 23 điểm quy hoạch cấp phép khai thác khoáng sản (trong đó có 15 điểm đã cấp phép; 03 điểm đã trúng đấu giá và 05 điểm chưa cấp phép). Huyện đã xử lý 18 vụ khai thác khoáng sản trái phép.

- Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, ý thức của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường từng bước được nâng cao. Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đạt 80% (khu vực đô thị). 30% chất thải rắn ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đúng quy định¹⁶. 100% chất thải y tế được xử lý đảm bảo theo quy định. Chất thải rắn nguy hại (bao bì thuốc BVTV) bước đầu được thu gom đúng quy định. Trên địa bàn không phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, thị trấn Chư Sê luôn xanh – sạch – đẹp. Chất lượng hiện trạng môi trường huyện Chư Sê cơ bản đạt Quy chuẩn quốc gia về tiêu chuẩn chất lượng (theo kết quả quan trắc của Trung tâm quan trắc môi trường của tỉnh).

2. Khó khăn:

- Tình trạng lấn chiếm đất, tự chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác tài nguyên trái phép vẫn xảy ra, chưa xử lý dứt điểm, nhất là khai thác khoáng sản, sử dụng nước ngầm, vấn đề ô nhiễm môi trường...

- Tình trạng vi phạm trong lĩnh vực đất đai còn nhiều như: Sử dụng đất sai mục đích, lấn chiếm đất công, sang nhượng trái phép... Cơ sở dữ liệu về đất đai chưa hoàn chỉnh nên hạn chế trong việc khai thác sử dụng.

- Tình trạng rác thải bừa bãi vẫn còn xảy ra trên địa bàn một số xã. Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh nằm trong khu dân cư nên gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến đời sống của các hộ dân xung quanh.

IV – VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH:

1. Kết quả đạt được:

1.1. Nhiệm vụ quốc phòng – quân sự địa phương

- Xây dựng, củng cố quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân xây dựng khu vực phòng thủ huyệ ngày càng vững chắc tiềm lực quốc phòng – an ninh được tăng cường; lực lượng vũ trang được xây dựng vững mạnh hơn, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu diễn tập quân sự; tuyển quân đủ số lượng đảm bảo chất lượng đạt 100% chỉ tiêu được giao; lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, lực lượng dự bị động viên thường xuyên được rà soát, bổ sung¹⁷.

- Tổ chức diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ huyện đạt loại giỏi; trong nhiệm kỳ hoàn thành 100% diễn tập phòng thủ cấp xã chất lượng được nâng lên; công tác hậu phương quân đội và giải quyết chính sách tồn đọng sau chiến tranh được triển khai có hiệu quả, kịp thời.

1.2. An ninh chính trị trật tự an toàn xã hội

- Chủ động nắm tình hình, phòng ngừa đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả hoạt động chống phá các thế lực thù địch không để xảy ra biểu tình, bạo loạn

¹⁶ Huyện có 01 Nhà máy xử lý rác thải với công suất 30 tấn/ngày; 01 lò đốt rác và 01 bãi chôn lấp với diện tích 03ha.

¹⁷ Số xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh đạt 65%; huy động lực lượng dự bị động viên đạt 100%.

trong mọi tình huống. Tập trung đấu tranh, bóc gỡ hoạt động phục hồi FULRO, “Tin lành Đề Ga”.

- An ninh nông thôn, an ninh tôn giáo được giữ vững, các vụ việc phát sinh đã được chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng xử lý dứt điểm, không để xảy ra điểm nóng.

- Trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt công tác điều tra khám phá các vụ phạm pháp hình sự, triển khai quyết liệt các biện pháp kìm hãm tai nạn giao thông¹⁸. Thường xuyên thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

1.3. Về công tác phòng chống tham nhũng, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra phòng, chống tham nhũng lãng phí¹⁹.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện²⁰.

2. Về tồn tại, hạn chế:

- An ninh chính trị còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. An ninh chính trị gắn với tôn giáo còn phức tạp. Tình hình an ninh nông thôn xảy ra một số vụ việc liên quan đến “thuốc thử”, tranh chấp, lấn chiếm đất đai còn xảy ra ở một số xã; các loại tội phạm có chiều hướng gia tăng. Tai nạn giao thông vẫn còn ở mức cao. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc triển khai còn chưa sâu rộng, chưa phát huy hết tinh thần đấu tranh, phòng chống tội phạm trong quần chúng nhân dân.

- Công tác phòng chống tham nhũng thực hiện chưa hiệu quả, vẫn còn tình trạng tham nhũng xảy ra nhất là trên lĩnh vực quản lý đất đai ngân sách tài nguyên khoáng sản đầu tư xây dựng cơ bản.

- Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có lúc chưa kịp thời, tình trạng khiếu kiện vượt cấp vẫn còn xảy ra.

¹⁸ Trong nhiệm kỳ điều tra khám phá 488 vụ phạm pháp hình sự đạt tỷ lệ 82,58% (403/488 vụ). Tai nạn giao thông vẫn còn ở mức cao với 116 vụ, làm chết 120 người (tăng 45 vụ, 46 người chết). Xử lý 10.001 trường hợp vi phạm Luật giao thông, phạt hành chính 5.934.011.000 đồng. Tổ chức truy bắt, vận động 44 đối tượng ra đầu thú. Tiến hành gọi hỏi, răn đe, giáo dục hàng trạm đối tượng hình sự, kinh tế, ma túy. Lập hồ sơ đưa 17 đối tượng vào trường giáo dưỡng, 19 đối tượng áp dụng biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; 38 đối tượng áp dụng biện pháp cai nghiện tập trung tại Trung tâm GD LĐ và XH tỉnh.

¹⁹ Đã triển khai 43 cuộc thanh tra, ra quyết định thu hồi với số tiền trên 4 tỷ đồng.

²⁰ Trong nhiệm kỳ toàn huyện đã tiếp nhận 1.632 lượt có 1.655 người đến phản ánh kiến nghị. Toàn huyện tiếp nhận 989 đơn, trong đó: 93 đơn không thuộc thẩm quyền và không đủ điều kiện giải quyết; đã giải quyết xong 896/896 đạt 100%. Trong đó UBND huyện tiếp 1166 lượt có 1175 người; các xã, thị trấn tiếp 431 lượt với 445 người đến kiến nghị. Với 87 đơn khiếu nại, 31 đơn tố cáo, 871 đơn kiến nghị, đề nghị. Nội dung phản ánh của công dân tập trung các vấn đề sau: cấp giấy CNQSD đất, đề nghị cấp lại giấy CNQSD đất, tranh chấp đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng giải quyết chế độ chính sách,...

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG – AN NINH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của huyện, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ; ưu tiên phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp và năng lượng tái tạo; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, gắn với công tác bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp; xây dựng quốc phòng, quân sự địa phương vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị trong mọi tình huống. Tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng huyện Chư Sê văn minh, giàu đẹp.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế.

- Tổng giá trị sản xuất (*giá so sánh 2010*) đến năm 2025: 18.081 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025: 9,6%.
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp xây dựng là 39,01%; Thương mại dịch vụ là 33,69%; Nông lâm nghiệp là 27,3%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: 85,15 triệu đồng/người/năm.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn (giai đoạn 2021 - 2025): 1.476 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách huyện (giai đoạn 2021 - 2025): 5.429 tỷ đồng.

2. Về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,4%/năm (Năm 2020: Tỷ lệ hộ nghèo là 2,76% theo tiêu chí đa chiều giai đoạn 2016-2020).
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 là 03 xã, hoàn thành 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới; 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu, 08 xã nông thôn mới nâng cao. Phấn đấu hoàn thành huyện nông thôn mới.
- Dân số trung bình đến năm 2025 là 130.375 người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm là 1,06%, trong đó tăng tự nhiên 0,99%.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đạt 13,91%.
- Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế năm 2025 đạt 90%, tiến tới BHYT toàn dân.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế: 100%; Số bác sỹ/vạn dân: 08 bác sỹ.
- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Thêm 18 trường, toàn huyện có 47/50 trường công lập là trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 94%.

3. Về Môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 28%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt: 95%.
- Tỷ lệ xử lý chất thải rắn đạt: 95%.

4. Về Quốc phòng – An ninh:

- Tổ chức tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Lĩnh vực Nông nghiệp.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 18/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IX về việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 trên địa bàn huyện Chư Sê một cách đồng bộ, hiệu quả, trong đó phát triển cây dược liệu là chiến lược, là khâu đột phá. Phát triển chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở nguyên liệu sẵn có của huyện, chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp chủ lực của huyện theo hướng thâm canh gắn với chế biến. Nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ và phát triển rừng, công tác trồng rừng và nâng độ che phủ rừng, thúc đẩy công tác giao đất, giao rừng.

- Tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện tốt chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*Chương trình OCOP*) gắn với thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi và có những cơ chế hỗ trợ phù hợp để cơ sở, doanh nghiệp, trang trại và nông hộ phát triển sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

- Tập trung thực hiện chương trình nông thôn mới của huyện đến năm 2025 là 03 xã: Hbông, Ayun và Ia Ko; nâng cao các tiêu chí của 10 xã đã đạt chuẩn, trong đó chọn 01 xã xây dựng nông thôn mới tiêu biểu, 08 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao. Xây dựng ở mỗi xã từ 01 - 03 làng nông thôn mới theo Chỉ thị 12-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV.

2. Lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng

- Xác định công nghiệp - xây dựng là ngành đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của huyện, chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo, tiếp tục phát triển theo hướng công nghệ hiện đại, tăng dần quy mô trong sản xuất. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm với những mặt hàng chủ yếu như: Cao su, cà phê, hồ tiêu, dược liệu, cây ăn quả...để nông sản hàng hóa thu hoạch của nông dân được qua sơ chế, chế biến có chất lượng

cao, đáp ứng được yêu cầu của thị trường và phù hợp với việc phát triển đồng bộ của các thành phần kinh tế, đồng thời giải quyết việc làm cho người lao động.

- Tập trung kêu gọi đầu tư vốn phát triển Cụm Công nghiệp tập trung Chu Sê và Khu Công nghiệp Nam Gia Lai, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, nông cụ, phân bón, hàng tiêu dùng với nguyên liệu sẵn có, đầy mạnh và tạo điều kiện phát triển tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu không nung trên địa bàn Huyện, tạo việc làm cho lao động trong và ngoài huyện.

- Thúc đẩy việc phát triển đầu tư Công nghiệp điện tái tạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn Huyện.

3. Thương mại - Dịch vụ.

- Tập trung phát triển thương mại phục vụ sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn.

- Kêu gọi tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng Siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng khách sạn đạt tiêu chuẩn, nâng cấp chợ các xã, đặc biệt là các chợ của thị trấn.

- Kêu gọi đầu tư các khu du lịch hiện có trên địa bàn huyện và thực hiện liên kết Tuyến du lịch Thác Phú Cường – Hồ Ayun Hạ - Di tích Vua lửa sớm đưa vào hoạt động.

- Phát triển du lịch kết hợp các mô hình nông nghiệp, công nghiệp như điện gió, điện mặt trời, du lịch tâm linh... theo hướng bền vững. Quan tâm hỗ trợ đào tạo các nguồn nhân lực để phát triển ngành du lịch.

- Phát triển dịch vụ ngoài hàng rào cho Khu công nghiệp Nam Gia Lai.

4. Về Tài nguyên-Môi trường

Tăng cường kiểm soát, quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên trên địa bàn huyện; xử lý các hành vi vi phạm về khai thác tài nguyên, sử dụng đất; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường nhằm tạo điều kiện khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ cho công tác quản lý.

Tăng cường quản lý nhà nước, đồng thời nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý các nguồn gây ô nhiễm...; đấu tranh, ngăn chặn mọi hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Tập trung xử lý chất thải, rác thải để bảo vệ môi trường theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại.

Hoàn thiện tiêu chí về môi trường đối với đô thị loại IV theo quy định của Bộ xây dựng. 100% xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí môi trường. Xử lý triệt để các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

5. Phát triển Doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Tiếp tục phát huy vai trò của Hội Doanh nghiệp huyện Chư Sê; Tổ chức đối thoại, gặp gỡ với các doanh nghiệp, các hợp tác xã để kịp thời tiếp nhận ý kiến phản ánh, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh qua đó có giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi. Duy trì mô hình cà phê Doanh nhân.

- Khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác để có hướng xử lý, hỗ trợ phù hợp đi đôi với khuyến khích phát triển mới các loại hình kinh tế hợp tác, nhằm tăng cường vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong thúc đẩy phát triển kinh tế. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, trong đó chú trọng là nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp đủ sức cạnh tranh, mang lại lợi ích cho thành viên và người nông dân.

6. Giải pháp phát triển đảm bảo là vùng kinh tế động lực của tỉnh

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Từ đó vận dụng những cơ chế, chính sách để khai thác và phát huy những lợi thế so sánh của huyện, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đề nghị Tỉnh tăng cường đầu tư cho vùng kinh tế động lực và có cơ chế phân cấp, ủy quyền cho huyện.

- Tập trung đầu tư để hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu, đồng thời cải thiện môi trường đầu tư; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung gắn với đầy mạnh liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Trên cơ sở định hướng phát triển chung của tỉnh, phát triển kinh tế xã hội của huyện gắn với liên kết với các huyện phía Nam và thành phố Pleiku.

7. Định hướng phát triển đô thị.

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại IV của Thị trấn Chư Sê, hướng đến một số tiêu chí của đô thị loại III. Đồng thời đầu tư mở rộng diện tích đô thị loại IV ra các xã liền kề để thành lập thị xã Chư Sê trong tương lai. Phát triển thị trấn Chư Sê theo hướng đô thị văn minh, hiện đại; từng bước xây dựng đô thị thông minh. Tập trung xây dựng khu vực trung tâm các xã khang trang, sạch đẹp, ưu tiên phát triển trung tâm xã Bờ Ngoong là đô thị loại V.

8. Về Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chú trọng giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; chú trọng giáo dục đạo

đức, lối sống, kĩ năng sống; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Thu hút các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng trường học chất lượng cao ở tất cả các cấp học.

9. Về thực hiện chính sách xã hội

Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống: Hỗ trợ hộ nghèo thực hiện tốt chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp. Tăng cường công tác đào tạo nghề, tạo cơ hội cho người nghèo tìm việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động. Tăng cường đầu tư các nguồn lực cho giảm nghèo, lòng ghép thực hiện các chương trình đầu tư, các chương trình mục tiêu quốc gia.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách xã hội, bảo trợ xã hội đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đạt hiệu quả cao.

10. Về Y tế, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao

- Tăng cường công tác y tế, bảo vệ chăm sóc sức khoẻ của nhân dân; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; phát huy hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; nâng cao sức khoẻ cả về thể chất và tinh thần, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện. Bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng, chăm sóc sức khoẻ. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng yêu cầu cả chuyên môn và y đức... Huy động các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho ngành y tế.

- Quản lý, khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa, tiếp tục đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa ở xã, thôn, làng. Tổ chức các hoạt động văn hóa như liên hoan cồng chiêng, các trò chơi dân gian... Xây dựng các Đề án bảo tồn, phát triển về văn hóa, du lịch. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng thôn, làng, tổ dân phố, công sở văn hóa, gia đình văn hóa; tìm kiếm tài năng, bồi dưỡng đào tạo vận động viên. Đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị tập luyện, đồng thời chú trọng công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thể thao, thu hút xã hội hóa lĩnh vực thể thao. Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật số cho sự nghiệp phát thanh từ huyện đến cơ sở.

11. Về Quốc phòng – An ninh, phòng chống tham nhũng, chống lăng phí, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:

- Củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; chú trọng phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh.

- Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, đấu tranh với các âm

mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, không để phục hồi hoạt động FULRO, liên quan đến FULRO, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn trong mọi tình huống; giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo tại cơ sở.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh về mọi mặt. Nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, đảm bảo việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không kết án oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, mặt trận Tổ quốc đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, lãng phí. Triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, công khai, minh bạch, kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; làm tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tham nhũng, tiêu cực.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tiếp công dân, lắng nghe ý kiến, đối thoại với dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ngành, đơn vị quán triệt, công khai kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về triển khai thực hiện. Giao Phòng Tài chính –Kế hoạch và các phòng ban chuyên môn hướng dẫn, cụ thể hóa kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 vào trong kế hoạch hàng năm.

2. Thủ trưởng các Ban, ngành. Chủ tịch UBND các xã thị trấn căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của đơn vị mình. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch. Đối với các vấn đề mới cần điều chỉnh, bổ sung báo kịp thời cho UBND huyện để bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Chủ tịch UBND các xã thị trấn phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội trong việc giám sát thực hiện kế hoạch này.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê. UBND huyện kính báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy biết, cho ý kiến để UBND huyện trình HĐND huyện thông qua theo quy định.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- TT huyện ủy (B/c);
- TT HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH huyện;
- Lưu VT, CVKT-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Rmah H'Bé Nét

Biểu 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025
(Kèm theo báo cáo số /KH-UBND ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời kỳ 2021-2025					Bình quân 5 năm
			KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025	
A	Chỉ tiêu kinh tế							-
1	Giá trị sản xuất theo giá SS 2010	Triệu đồng	12.513	13.698	15.007	16.452	18.081	
	<i>Trong đó:</i>							
	- Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng	4.391	4.967	5.451	6.252	7.053	
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	Triệu đồng	4.152	4.382	4.785	4.891	4.936	
	- Dịch vụ	Triệu đồng	3.970	4.349	4.771	5.309	6.092	-
2	Tốc độ tăng giá trị sản xuất theo giá SS 2010	%	9,45	9,47	9,56	9,63	9,90	9,6
	<i>Trong đó:</i>							-
	- Công nghiệp và xây dựng	%	11,39	13,11	9,74	14,70	12,81	12,2
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	7,29	5,54	9,21	2,21	0,92	3,8
	- Dịch vụ	%	9,64	9,55	9,70	11,28	14,75	10,8
3	Cơ cấu GTSX	%	100	100	100	100	100	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	35,09	36,26	36,32	38,00	39,01	
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	33,18	31,99	31,89	29,73	27,30	
	- Dịch vụ	%	31,73	31,75	31,79	32,27	33,69	
4	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	61,45	66,29	72,12	78,50	85,15	
5	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	220	253	290	333	380	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời kỳ 2021-2025					Bình quân 5 năm
			KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025	
6	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	889	978	1076	1184	1302	
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	0	0	0	0	0	-
B	Chỉ tiêu xã hội							-
1	Dân số trung bình	Nghìn người	124.965	126.333	127.684	129.035	130.375	130.375
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	180	175	164	150	143	143
	<i>Tỷ lệ tăng tự nhiên</i>	%	<i>1,01</i>	<i>1,01</i>	<i>1,00</i>	<i>0,97</i>	<i>0,95</i>	<i>0,99</i>
3	Số hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	Hộ	508	321	206	118	60	60,00
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,4	2,04	1,66	1,25	0,8	0,80
	<i>Tỷ lệ giảm hộ nghèo hàng năm</i>	%	<i>0,42</i>	<i>0,36</i>	<i>0,38</i>	<i>0,41</i>	<i>0,45</i>	<i>0,40</i>
5	Số lao động được tạo việc làm	Nghìn người	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	- 3,00
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	34,8	35,2	35,9	36,7	37,5	37,50
7	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sỹ	5,75	6,32	6,77	7,10	8	8
8	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn mới quốc gia về y tế)	%	100	100	100	100	100	100,00
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	14,71	14,51	14,31	14,11	13,91	13,91
10	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	88,3%	88,8%	89%	89,5%	90%	0,90
11	Tỷ lệ thôn, làng, TDP đạt chuẩn văn hóa	%	97,0	97	97	97	97	97,00
12	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hoá	%	87,0	87	87	87	87	87,00

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời kỳ 2021-2025					Bình quân 5 năm
			KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025	
C	Chỉ tiêu Tài nguyên - Môi trường và phát triển bền vững							-
1	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	0	0	0	100	100	100,00
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	85	85	85	90	92	95
3	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	100	100	100	100	100,00
4	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	100	100	100	100	100	100,00

Biểu 2

KẾ HOẠCH VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG 5 NĂM 2021-2025

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TỪNG NĂM					Mục tiêu 2021 - 2025
			2021	2022	2023	2024	2025	
I	Chỉ tiêu xã hội							
1	Dân số							
	- Dân số trung bình	Người	124.965	126.333	127.684	129.035	130.375	130.375
2	Giảm nghèo bền vững							0
3	Số hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	Hộ	875	508	321	206	118	118
4	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	%	2,76	1,15	0,43	0,16	0,06	0,06
5	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,8	1,16	0,72	0,27	0,1	0,1
6	Số lao động được tạo việc làm	Nghìn người	3	3	3	3	3	3
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	34,5	34,8	35,2	35,9	36,7	36,7
8	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	-	-	-	-	-	0
	- Số hộ thoát khỏi nghèo trong năm	Hộ	367	187	113	88	58	58
	- Số hộ cận nghèo	Hộ	2.352	2.211	2.079	1.955	1.838	1.838
	- Số hộ tái nghèo	Hộ	52	47	46	42	40	40
	- Số hộ nghèo mới phát sinh	Hộ	180	175	164	150	143	143

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TỪNG NĂM					Mục tiêu 2021 - 2025
			2021	2022	2023	2024	2025	
3	Y tế, chăm sóc sức khỏe							0
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	5,75	6,32	6,77	7,10	8,00	8
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	14,71	14,51	14,31	14,11	13,91	13,91
	- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	88,3%	88,8%	89%	89,5%	90%	0,9
4	Lao động, việc làm, bảo trợ xã hội							0
	- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	69,2	70,5	71,4	72,3	73,1	73,1
	- Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Người	65,7	66,3	66,8	67,7	68,2	68,2
	- Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	%	52,57	52,48	52,32	52,47	52,31	52,31
	Cơ cấu lao động:							0
	+ Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	84,9	84,7	84,2	83,9	83,2	83,2
	+ Công nghiệp và xây dựng	%	1,21	1,22	1,25	1,26	1,28	1,28
	+ Dịch vụ	%	13,89	14,08	14,55	14,84	15,52	15,52

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TÙNG NĂM					Mục tiêu 2021 - 2025
			2021	2022	2023	2024	2025	
	- Số lao động được tạo việc làm	Người	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3000
	Trong đó: Số lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng	Người	200	252	300	350	420	420
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	35	35,4	36,1	36,7	37	37
	Trong đó: Tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo	%	50	50,5	51,2	51,7	52	52
	- Số lao động được giải quyết việc làm mới từ Quỹ cho vay giải quyết việc làm	Người	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1500
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	-	56,0	-	65,0	-	0
5	Văn hóa, Thể thao, Thông tin và truyền thông							0
	- Tỷ lệ thôn, làng, TDP đạt chuẩn văn hóa quốc gia	%	97	97	97	97	97	97
	- Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	87	87	87	87	87	87
	- Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa được xây dựng riêng	%	64,28%	71,42%	78,57	85,71	100%	1

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TỪNG NĂM					Mục tiêu 2021 - 2025
			2021	2022	2023	2024	2025	
	- Tỷ lệ dân số tham gia luyện tập TDTT thường xuyên	%	36,5%	37%	38%	39%	40%	0,4
	- Tỷ lệ gia đình tham gia luyện tập TDTT thường xuyên	%	20,5%	21%	22%	23%	24%	0,24
6	Giáo dục							0
	- Tổng số (cơ sở) trường học trên địa bàn:	Trường	51,0	51,0	51,0	51,0	51,0	51
	+ Số trường mẫu giáo, mầm non	Trường	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0	20
	+ Số trường Tiểu học	Trường	15,0	15,0	15,0	15,0	15,0	15
	+ Số trường THCS, trường phổ thông nhiều cấp học	Trường	16,0	16,0	16,0	16,0	16,0	16
	- Tổng số học sinh đầu năm học (không kể nhà trẻ); trong đó:	Học sinh	28.000,0	28.000,0	28.000,0	28.000,0	28.000,0	28000
	+ Trẻ mẫu giáo	Học sinh	6000	6000	6000	6000	6000	6000
	+ Học sinh tiểu học	Học sinh	14000	14000	14000	14000	14000	14000
	+ Học sinh trung học cơ sở	Học sinh	8000	8000	8000	8000	8000	8000
	- Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	71	71,0	72,0	73,0	74,0	74
	- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi học mẫu giáo	%	99,6	99,6	99,6	99,7	99,7	99,7

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TÙNG NĂM					Mục tiêu 2021 - 2025
			2021	2022	2023	2024	2025	
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Tiểu học	%	99,2	99,2	99,2	99,3	99,3	99,3
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS	%	73	73	73	73	73	73
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THPT	%						0
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	33	37	41	45	47	47
	- Tỷ lệ trường học mầm non, phổ thông có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100
II	Chỉ tiêu Tài nguyên - Môi trường và phát triển bền vững	-				-		0
1	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	0	0	0	100	100	100
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	85	85	85	90	92	95
3	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	100	100	100	100	100	100

Biểu 3

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2016-2020**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời kỳ 2016-2020					Thực hiện 2016-2020
			TH 2016	TH 2017	TH 2018	UTH 2019	TH 2020	
A	Chỉ tiêu kinh tế							
1	GTSX theo giá SS 2010	Triệu đồng	8.260	8.916	9.694	10.560	11.433	48.863
	<i>Trong đó:</i>							
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	Triệu đồng	3.056	3.271	3.412	3.629	3.870	17.238
	- Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng	2.685	2.907	3.270	3.606	3.942	16.410
	- Dịch vụ	Triệu đồng	2.519	2.738	3.012	3.325	3.621	15.215
2	Tốc độ tăng giá trị sản xuất	%	7,29	7,94	8,73	8,93	8,27	8,21
	<i>Trong đó:</i>							
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	2,41	7,04	4,31	6,36	6,64	4,99
	- Công nghiệp và xây dựng	%	9,46	8,27	12,49	10,28	9,32	9,87
	- Dịch vụ	%	11,36	8,69	10,01	10,39	8,90	9,82
3	Cơ cấu kinh tế		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	37,00	36,69	35,20	34,36	33,85	33,85
	- Công nghiệp và xây dựng	%	32,51	32,60	33,73	34,15	34,48	34,48

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời kỳ 2016-2020					Thực hiện 2016-2020
			TH 2016	TH 2017	TH 2018	UTH 2019	TH 2020	
	- Dịch vụ	%	30,50	30,71	31,07	31,49	31,67	31,67
4	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	41,30	44,60	48,50	51,82	56,70	56,7
5	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	77	105	109	208	503	1002
6	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	542	643,53	705,793	818,725	927	3637,048
B Chỉ tiêu xã hội								
1	Dân số trung bình	Nghìn người	117.025	118.725	119.921	121.958	123.547	
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,5	1,3	1,2	1,41	1,17	1,17
3	Số hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	Hộ	4.247	3.271	2.431	1.668	875	875
4	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	%	15,79	12,04	8,75	5,56	2,76	2,76
5	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4,97	3,75	2,29	3,13	2,8	2,8
6	Số lao động được tạo việc làm	Nghìn người	1,982	2,074	2,496	2,721	3	3

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời kỳ 2016-2020					Thực hiện 2016-2020
			TH 2016	TH 2017	TH 2018	UTH 2019	TH 2020	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	28,7	29	31	32	34,5	34,5
8	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	4,33	4,63	4,80	5,00	5,07	
9	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn mới quốc gia về y tế)	%	42,9	71,4	71,4	92,9	100	
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	17,3	17	16,7	15,53	14,91	
11	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	82,3%	85,7%	84,8%	87%	88%	
C	Chỉ tiêu Tài nguyên - Môi trường và phát triển bền vững							
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	26	27	27,2	27,3	27,4	
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	80	80	80	80	80	
3	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	100	100	100	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời kỳ 2016-2020					Thực hiện 2016-2020
			TH 2016	TH 2017	TH 2018	UTH 2019	TH 2020	
4	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	100	100	100	100	100	